

Vĩ mô đầu tuần: Cập nhật dự báo USD/VND; GDP Q1 của TQ

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ của Mỹ được dự báo tăng 0,3% so với tháng trước trong tháng 3/2024, giảm tốc so với mức tăng 0,6% so với tháng trước trong tháng 2/2024. Ngoài ra, giá trị sản xuất công nghiệp được dự báo tăng 0,2% so với tháng trước, tăng tốc so với mức tăng 0,1% so với tháng trước và cho thấy hoạt động sản xuất khởi sắc hơn.
- GDP Q1/2024 của Trung Quốc được dự báo tăng đúng theo mục tiêu của chính phủ ở mức 5%, giảm tốc so với mức tăng 5,2% trong quý trước.
- Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam được dự báo tăng lần lượt 7,2% và 14,8% trong 2 tuần đầu tháng 4/2024.
- Lãi suất điều hành của Fed được dự báo sẽ ở mức cao trong dài hạn hơn với nhiều khả năng thời điểm cắt giảm lãi suất sẽ bị lùi lại. HSC điều chỉnh tăng dự báo tỷ giá USD/VND tại thời điểm cuối năm 2024 & 2025 lên lần lượt 25.200 và 24.800 từ lần lượt 24.600 và 24.300 trước đó.

Những số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần

Tuần này, NĐT sẽ theo dõi số liệu GDP Q1/2024 của Trung Quốc và số liệu doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ và giá trị sản xuất công nghiệp của Mỹ & Trung Quốc. GDP của Trung Quốc được dự báo tăng đúng theo mục tiêu của chính phủ trong Q1/2024 (tăng trưởng 5%).

Tại Việt Nam, Tổng cục Hải quan sẽ công bố số liệu thương mại 2 tuần đầu tháng 4/2024 vào thứ sáu. Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu dự báo tăng lần lượt 7,2% và 14,8% so với cùng kỳ, tăng tốc so với mức tăng lần lượt 6,5% và 5,4% so với cùng kỳ trong 2 tuần cuối tháng 3/2024. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 24.995 (tăng 0,241%), mức cao kỷ lục và là tuần tăng thứ 10 liên tiếp trên thị trường ngoại hối. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng 1,7% (sau khi giảm 2,3% trong tuần trước đó), đóng cửa tại 1.276,6 điểm.

Cập nhật dự báo tỷ giá USD/VND

Với việc lạm phát tháng 3/2024 tại Mỹ cao hơn dự báo, dự báo thời điểm cắt giảm lãi suất hiện đã lùi sang tháng 7/2024 từ tháng 6/2024 trước đó, với chỉ 2 đợt cắt giảm dự kiến trong năm 2024. Đồng USD vẫn được hỗ trợ do lợi suất bằng đồng USD cao & tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm. HSC điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VND tại thời điểm cuối năm 2024 & 2025 lên lần lượt 25.200 & 24.800, tương đương đồng VND mất giá 3,7% trong năm 2024 trước khi tăng giá 1,6% trong năm 2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 14/4.

Bảng 1: Số liệu kinh tế vĩ mô chính trong tuần

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, Trung Quốc & Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
10-4-24	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T3-24, y/y%)	3.2	3.5	3.4
	Mỹ: Tỷ lệ lạm phát (T3-24, m/m%)	0.4	0.4	0.3
	Mỹ: Lạm phát cơ bản (T3-24, y/y%)	3.8	3.8	3.7
11-4-24	Biên bản cuộc họp FOMC			
	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T3-24, y/y%)	0.7	0.1	0.4
	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T3-24, m/m%)	1.0	-1	-0.5
12-4-24	Lãi suất của ECB (%)	4.50	4.50	4.50
	Trung Quốc: KNXK (T3-24, y/y %)	7.1	-7.5	-3.0
	Trung Quốc: KNNK (T3-24, y/y %)	3.5	-1.9	1.2
15-4-24	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T3-24, USD)	125.2 tỷ	58.6 tỷ	70.2 tỷ
	Mỹ: Niềm tin của người tiêu dùng (T3-24, sơ bộ)	79.4	77.9	79.0
	Cơ chế cho vay trung hạn 1 năm của PBoC (%)	2.5		2.5
16-4-24	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T3-24, m/m %)	0.6		0.3
	Mỹ: Doanh số bán lẻ (T3-24, y/y %)	1.5		2.5
	Trung Quốc: Doanh số bán lẻ (T3-24, y/y %)	5.5		4.5
17-4-24	Trung Quốc: Giá trị sx công nghiệp (T3-24, y/y %)	7.0		5.4
	Trung Quốc: GDP (Q1/24, y/y%)	5.2		5.0
	Trung Quốc: Giá trị sx công nghiệp (T3-24, m/m %)	0.1		0.2
19-4-24	Mỹ: Giá trị sản xuất công nghiệp (T3-24, y/y %)	-0.2		0.6
	EU: Tỷ lệ lạm phát (T3-24, y/y %, chính thức)	2.6		2.4
	EU: Lạm phát cơ bản (T3-24, y/y %, chính thức)	3.1		2.9
19-4-24	Việt Nam: KNXK (Nửa đầu T4-24, y/y%)	6.5		7.2
	Việt Nam: KNNK (Nửa đầu T4-24, y/y%)	5.4		14.8

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Thế giới

Tuần này, nhà đầu tư sẽ hướng tới số liệu GDP Q1/2024 của Trung Quốc và số liệu doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ và giá trị sản xuất công nghiệp Trung Quốc trong tháng 3/2024. GDP của Trung Quốc được dự báo tăng đúng theo mục tiêu của chính phủ trong Q1/2024 (tăng trưởng 5%).

Mỹ

Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ và giá trị sản xuất công nghiệp tháng 3/2024

Doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ được dự báo sẽ tăng 0,3% so với tháng trước trong tháng 3/2024, giảm tốc so với mức tăng 0,6% so với tháng trước trong tháng 2/2024. Ngoài ra, giá trị sản xuất công nghiệp có thể tăng 0,2% so với tháng trước, tăng nhanh so với mức tăng 0,1% so với tháng trước trong tháng 2/2024, cho thấy hoạt động sản xuất khởi sắc hơn.

Khu vực Eurozone

Lạm phát tháng 3/2024

Lạm phát tháng 3/2024 nhiều khả năng sẽ xác nhận ước tính sơ bộ với lạm phát tại khu vực Eurozone giảm xuống 2,4% so với cùng kỳ. Giá năng lượng giảm 1,8% so với cùng kỳ, trong khi tốc độ tăng sẽ hạ nhiệt đối với thực phẩm, rượu bia & thuốc lá (tăng 2,7% so với cùng kỳ) và hàng hóa công nghiệp phi năng lượng (tăng 1,1% so với cùng kỳ). Mặt khác, lạm phát nhóm dịch vụ vẫn ổn định ở mức 4% so với cùng kỳ.

Trung Quốc

GDP Q1/2024 & hoạt động kinh tế tháng 3/2024

Tại Trung Quốc, thị trường sẽ chú ý tới số liệu GDP, được kỳ vọng sẽ cho thấy nền kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng theo mục tiêu của chính phủ (tăng trưởng 5%).

Số liệu cập nhật về giá trị sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ hàng hóa & dịch vụ sẽ có thể thấy tình hình của nền kinh tế Trung Quốc trong tháng 3/2024 với sự chứng lại của hai chỉ số này so với giai đoạn tháng 1-2/2024 do mức nền cao hơn và nhu cầu hạ nhiệt sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Việt Nam

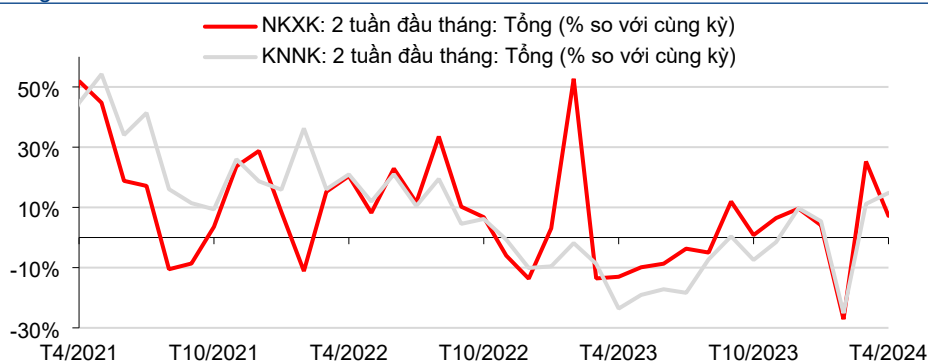
Tổng cục Hải quan sẽ công bố số liệu thương mại 2 tuần đầu tháng 4/2024 vào thứ sáu. Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu dự báo tăng lần lượt 7,2% và 14,8% so với cùng kỳ, tăng tốc so với mức tăng lần lượt 6,5% và 5,4% so với cùng kỳ trong 2 tuần cuối tháng 3/2024. Tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng lên 24.995 (tăng 0,241%), mức cao kỷ lục và là tuần tăng thứ 10 liên tiếp trên thị trường ngoại hối. Trong khi đó, chỉ số VN Index tăng 1,7% (sau khi giảm 2,3% trong tuần trước đó), đóng cửa tại 1.276,6 điểm.

Hoạt động thương mại 2 tuần đầu tháng 4/2024

Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu dự báo tăng lần lượt 7,2% và 14,8% so với cùng kỳ trong 2 tuần đầu tháng 4/2024, tăng tốc so với mức tăng lần lượt 6,5% và 5,4% so với cùng kỳ trong 2 tuần cuối tháng 3/2024 (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Dữ liệu hoạt động thương mại nửa đầu tháng 4/2024, Việt Nam

KNXK và KNNK được dự báo sẽ tăng lần lượt 7,2% và 14,8% so với cùng kỳ trong nửa đầu tháng 4/2024, tăng tốc từ mức tăng 6,5% và 5,4% so với cùng kỳ trong 2 tuần cuối tháng 3/2024



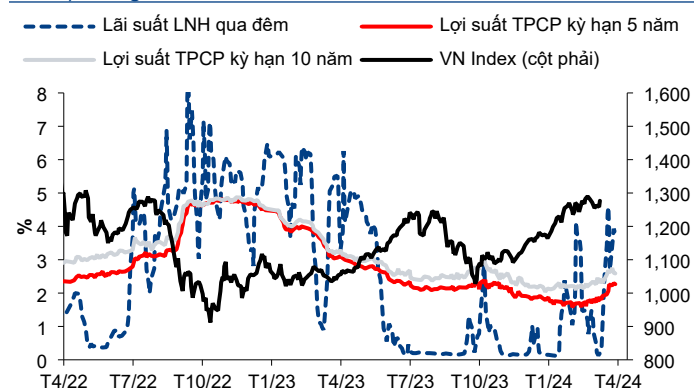
Nguồn: CEIC & HSC

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 3 và 4.

Biểu đồ 3: Lãi suất và diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

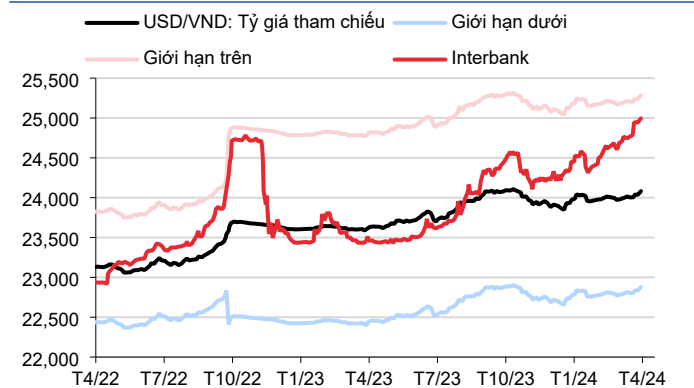
VN Index tăng trở lại 1,7% (so với mức giảm 2,3% trong tuần trước), đóng cửa tại mức 1.276,6



Nguồn: CEIC & HSC

Biểu đồ 4: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (VCB niêm yết) tăng 0,241% lên 24.995



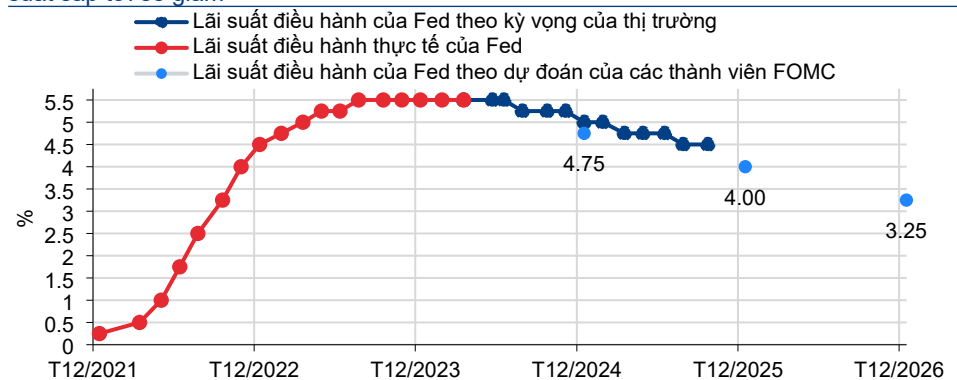
Nguồn: CEIC & HSC

Cập nhật dự báo tỷ giá USD/VND

Trong báo cáo trước, HSC chỉ ra rằng Việc Fed cắt giảm lãi suất điều hành chậm hơn dự kiến có thể tiềm ẩn rủi ro đối với đồng VND cũng như việc nhà đầu tư nước ngoài rút ròng trên thị trường chứng khoán. (Mời xem: [Cập nhật biến động tỷ giá USD/VND trên thị trường ngoại hối](#), ngày 12/4/2024, HSC).

Biểu đồ 5: Lãi suất điều hành của Fed theo kỳ vọng của thị trường và kỳ vọng của các thành viên FOMC

Lãi suất tại Mỹ hiện được dự báo sẽ ở mức cao trong dài hạn hơn với số đợt cắt giảm lãi suất sắp tới sẽ giảm



Nguồn: CME, Fed & HSC

Do lạm phát tại Mỹ tăng mạnh hơn dự kiến trong tháng 3/2024, biên bản FOMC công bố tuần trước cho thấy FOMC sẽ không đề xuất một chu kỳ nới lỏng cho đến khi các thành viên tự tin hơn về việc lạm phát đang giảm xuống mục tiêu 2%. Điều này khiến thị trường dự đoán lãi suất điều hành của Mỹ sẽ ở mức cao trong dài hạn hơn, từ đó lùi thời điểm cắt giảm lãi suất dự kiến sang tháng 7/2024 (với khả năng thấp) từ tháng 6/2024, và số đợt cắt giảm dự kiến sẽ giảm xuống 2 đợt từ 3 đợt trước đó (Biểu đồ 5).

Điều này tiếp tục hỗ trợ đồng USD do lợi suất của Mỹ cao hơn tương đối và tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm. Do đó, HSC nâng dự báo tỷ giá USD/VND tại thời điểm cuối năm 2024 và 2025 lên lần lượt 25.200 và 24.800 từ lần lượt 24.600 và 24.300 trước đó. Theo đó, đồng VND sẽ mất giá 3,7% trong năm 2024 sau đó hồi phục khoảng 1,6% trong năm 2025.

Bảng 6: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế và dự báo của HSC

	2017	2018	2019	2020	2021	2022E	2023E	2024F	2025F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	22,700	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,200	24,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,268	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,452	3,444
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	6.94	7.47	7.36	2.87	2.58	8.02	5.05	6.00	6.70
GDP (tỷ USD)	277	304	332	346	369	404	421	446	501
GDP bình quân đầu người (USD)	2,958	3,202	3,398	3,558	3,745	4,060	4,200	4,411	4,903
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	-0.60	1.89	3.67	4.35	-2.21	-0.27	6.69	3.36	2.04
Nợ công/GDP (%)	48.8	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.2	39.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	41.1	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.9	36.3
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.18	2.21	2.09	2.71	3.76	3.60	4.46	3.55	2.82
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	103.5	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.4	137.8	141.7
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.24	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.5	3.4
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	2.6	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.5	3.4
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.50	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.7	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	2.5	2.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	18.3	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	8,195	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	16,005	18,086	20,256
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	15.0	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	49	55	79	95	107	85	90	104	119
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.5	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	5.5
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.2	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.5	2.7
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	5.1	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	2.9
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	2.7	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.3	24.3	27.2
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	-1.7	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	15.0	10.2
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	211	238	253	263	333	360	326	362	406
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	21.8	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	11.0	12.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	214	245	264	283	336	372	355	387	433
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	21.5	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	9.0	12.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	108	110	123	129	140	146	154	163	178
Nợ nước ngoài/GDP (%)	38.9	36.1	36.9	37.3	37.8	36.2	36.6	36.5	35.5
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	17.5	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	24.6	27.5
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.9	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	52.5	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.2	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	17.8	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	14.5	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.6	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn